TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4- CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 181/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 5 - 2026
V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Thị Nhớ
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Diện
Ông Ong Văn Đủ
- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Khải là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 -Cà Mau.

Ngày 21 tháng 5 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4- Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 43/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2026 về việc*"Tranh chấp xin ly hôn"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Kim Thị T, sinh ngày 01/01/1999.
Số CCCD: 096199002421.
Địa chỉ: Ấp C, xã T, tỉnh Cà Mau.
- *Bị đơn:* Anh Lưu Chí N, sinh ngày 06/03/1996.
Số CCCD: 096096004417.
Địa chỉ: Ấp T, xã L, tỉnh Cà Mau.
Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Kim Thị T trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Lưu Chí N tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (nay là xã T, tỉnh Cà Mau) vào năm 2018.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và phát sinh nhiều hơn mà chị và anh N không khắc phục được. Hai bên gia đình có hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay, chị nhận thấy tình cảm với chồng không còn, mục đích hôn nhân không cải thiện được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị xin được ly hôn với anh Lưu Chí N.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống chị và anh N có 01 người con chung tên: Lưu Chí K, sinh ngày 08/9/2019 đang sống cùng anh N. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung, nợ riêng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn là anh Lưu Chí N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn.*

Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn với anh N, có thay đổi yêu cầu về con chung. Chị xác định hiện tại con chung của chị và anh N đang sống cùng cha là anh N và ông, bà nội. Do đó, chị không yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lưu Chí K nữa, chị đồng ý giao cháu K cho anh N tiếp tục nuôi dương, chăm sóc cho đến khi đủ 18 tuổi, chị không cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa chị Kim Thị T và anh Lưu Chí N là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc *"Xin ly hôn"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Anh Lưu Chí N có địa chỉ cư trú tại ấp T, xã L, tỉnh Cà Mau do đó Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Lưu Chí N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh N là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Kim Thị T và anh Lưu Chí N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (nay là xã T, tỉnh Cà Mau) vào năm 2018. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh N đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Theo chị T trình bày, trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và phát sinh nhiều hơn mà chị và anh N không khắc phục được. Hai bên gia đình có hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay, chị nhận thấy tình cảm với chồng không còn, mục đích hôn nhân không cải thiện được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị xin được ly hôn

với anh Lưu Chí N.

Đối với anh N, Tòa án đã triệu tập hợp lệ tham gia xét xử nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Như vậy, tình trạng hôn nhân của chị T và anh N đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được đúng như chị T xác định. Căn cứ vào Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn với anh N.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, chị T xác định chị và anh N có với nhau 01 con chung tên Lưu Chí K, sinh ngày 08/9/2019 đang sống cùng anh N. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, chị xác định hiện tại con chung của chị và anh N đang sống cùng cha là anh N và ông, bà nội. Do đó, chị không yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lưu Chí K nữa, chị đồng ý giao cháu K cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ 18 tuổi, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Theo quy định của pháp luật thì:*"Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên…"; "Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con…"*.

Xét thấy: Cháu Lưu Chí K, sinh ngày 08/9/2019 từ khi chị T và anh N ly thân thì cháu K đã sống cùng anh N và ông bà nội. Tại phiên tòa, chị T tự nguyện thay đổi yêu cầu, đồng ý giao cho anh N tiếp tục nuôi, dưỡng chăm sóc cháu K cho đến khi đủ 18 tuổi. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị T, phù hợp với quy định pháp luật nên căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận. Giao cháu K cho anh N được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp.

Chị T không trực tiếp nuôi có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị T xác định chị và anh N không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung, nợ riêng: Chị T và anh N xác định không có nợ chung hay ai nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Kim Thị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Kim Thị T, cho chị T được ly hôn với anh Lưu Chí N.

2. Về con chung: Giao cháu Lưu Chí K, sinh ngày 08/9/2019 cho anh N được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T không trực tiếp nuôi có có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Kim Thị T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng).* Vào ngày 20 tháng 01 năm 2026 chị T có dự nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0000815 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị T có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 4- Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 4- Cà Mau;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Thanh Tùng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Tăng Thị Nhớ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Diện Ong Văn Đ **Tăng Thị N1**